

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

*Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/03/2009  
được kiểm soát xét của Công ty Kế toán*

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 - 04
Báo cáo soát xét	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06 - 20
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 20

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 3/03/2009.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mangan tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN ngày 06 tháng 12 năm 2005 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 280300027 ngày 28 tháng 03 năm 2006 và đăng ký sửa đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan
- Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép
- Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ

Vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

<b>Tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Bổ nhiệm</b>
Ông Phạm Như Tâm	Chủ tịch	23/01/2006
Ông Nguyễn Đình Lân	Ủy viên	23/01/2006
Ông Bùi Văn Minh	Ủy viên	23/01/2006
Ông Nguyễn Trọng Tuyên	Ủy viên	29/12/2007
Ông Đinh Quang Tuấn	Ủy viên	29/12/2007

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

<b>Tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Bổ nhiệm</b>
Ông Nguyễn Đình Lân	Giám đốc	01/04/2006
Ông Đinh Quang Tuấn	Phó Giám đốc	01/04/2006

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/03/2009 cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2009*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Nguyễn Đình Lân**

Số : ...../2009/BC.KTTC-AASC.KT1

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*V báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/03/2009  
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan được lập ngày 10/04/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2009*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Quốc Dũng**

**Chi nhánh KTV số : 0285/KTV**

**Phạm Anh Tuấn**

**Chi nhánh KTV số : 0777/KTV**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

T i ngày 31 tháng 03 n m 2009

n v tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2009	01/01/2009
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>15.286.420.130</b>	<b>14.631.495.637</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>4.104.241.479</b>	<b>4.380.950.021</b>
111	1. Tiền	3	4.104.241.479	4.380.950.021
112	2. Các khoản tương đương tiền			
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.015.840.417</b>	<b>1.542.884.884</b>
131	1. Phải thu khách hàng		532.287.743	
132	2. Trả trước cho người bán		1.480.000.000	1.405.000.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác		3.552.674	137.884.884
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>4</b>	<b>8.967.014.965</b>	<b>8.686.511.577</b>
141	1. Hàng tồn kho		8.967.014.965	8.686.511.577
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>199.323.269</b>	<b>21.149.155</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		199.323.269	21.149.155
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.624.763.480</b>	<b>6.164.697.947</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.654.026.539</b>	<b>5.448.309.447</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5	4.741.631.484	5.427.404.392
222	- Nguyên giá		13.489.288.211	13.489.288.211
223	- Giá tr hao mòn l y k (*)		(8.747.656.727)	(8.061.883.819)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá tr hao mòn l y k (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá tr hao mòn l y k (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6	912.395.055	20.905.055
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>970.736.941</b>	<b>716.388.500</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	970.736.941	716.388.500
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>21.911.183.610</b>	<b>20.796.193.584</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

T i ngày 31 tháng 03 n m 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2009	01/01/2009
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.676.356.100</b>	<b>666.413.910</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.469.945.573</b>	<b>460.003.383</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn			
312	2. Phải trả người bán		270.142.491	214.093.820
313	3. Người mua trả tiền trước		27.567.603	96.109.178
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	326.312.780	102.677.285
315	5. Phải trả người lao động		413.156.575	
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9	2.432.766.124	47.123.100
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>206.410.527</b>	<b>206.410.527</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn			
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.410.527	206.410.527
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>18.234.827.510</b>	<b>20.129.779.674</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>10</b>	<b>17.412.918.992</b>	<b>19.745.607.068</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12.000.000.000	12.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.904.000.000	1.904.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(539.365.085)	(539.365.085)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.944.293.606	855.421.779
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		703.810.102	295.483.167
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.400.180.369	5.230.067.207
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>821.908.518</b>	<b>384.172.606</b>
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		821.908.518	384.172.606
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>21.911.183.610</b>	<b>20.796.193.584</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*T i ngày 31 tháng 03 n m 2009*

<b>Mã số</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
001	1. Tài sản thuê ngoài			
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý			
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		124.625.19	124.481.47
006	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

*Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 04 n m 2009*  
**Giám đốc**

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/03/2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	<i>n v tính: VND</i> Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	4.125.125.680	6.197.578.773
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			537.926.580
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.125.125.680	5.659.652.193
11	4. Giá vốn hàng bán	12	2.548.161.016	2.644.922.438
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.576.964.664	3.014.729.755
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	12.590.303	58.338.827
22	7. Chi phí tài chính			15.207.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			15.207.000
24	8. Chi phí bán hàng		315.059.518	1.054.117.228
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		644.445.516	660.544.334
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		630.049.933	1.343.200.020
31	11. Thu nhập khác		45.454.545	4.740.336
32	12. Chi phí khác			
40	13. Lợi nhuận khác		45.454.545	4.740.336
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		675.504.478	1.347.940.356
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14	59.106.642	188.711.650
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>616.397.836</u>	<u>1.159.228.706</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		525.97	979.73

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

K k toán t ngày 01/01/2009 n ngày 31/03/2009

n v tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	T.minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. L i nhu n tr c thu</b>		<b>675.504.478</b>	<b>1.347.940.356</b>
	<b>2. i u ch nh cho các kho n</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định		685.772.908	670.936.629
03	- Các khoản dự phòng			
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.590.303)	(43.131.827)
06	- Chi phí lãi vay			
08	<b>3. L i nhu n t ho t ng kinh doanh tr c thay i v n l u ng</b>		<b>1.348.687.083</b>	<b>1.975.745.158</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(651.129.647)	(4.676.249)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(280.503.388)	(763.540.322)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả		660.004.343	244.910.818
	(không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(254.348.441)	
13	- Tiền lãi vay đã trả			
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.337.246)	
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		138.516.900	84.793.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(336.698.449)	(137.100.000)
20	<b>L u chuy n t i n thu n t ho t ng kinh doanh</b>		<b>602.191.155</b>	<b>1.400.132.405</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(891.490.000)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.590.303	58.338.827
30	<b>L u chuy n t i n thu n t ho t ng ut</b>		<b>(878.899.697)</b>	<b>58.338.827</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			(2.027.683.539)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(1.200.000.000)
40	<b>L u chuy n t i n thu n t ho t ng tài chính</b>			<b>(3.227.683.539)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(276.708.542)</b>	<b>(1.769.212.307)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>4.380.950.021</b>	<b>10.613.068.378</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>4.104.241.479</b>	<b>8.843.856.071</b>

Hà T nh, ngày 10 tháng 04 n m 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/03/2009

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mangan tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN ngày 06 tháng 12 năm 2005 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

Trụ sở chính của Công ty tại Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xuất khẩu quặng thô Mangan.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 280300027 ngày 28 tháng 03 năm 2006 và sửa đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan;
- Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo quy định tại Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 16 tháng 06 năm 2008 của Bộ Công Thương Về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản, từ tháng 09 năm 2008, Các đơn vị xuất khẩu quặng thô thuộc địa bàn Hà Tĩnh không được phép xuất khẩu. Do đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm của đơn vị từ tháng 09 năm 2008 là thị trường nội địa.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí đền bù;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Khoáng Sản Mangan đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2008 theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường ngày 24 niên tháng 03 năm 2009 như sau:

Chia cổ tức (20%/cổ phần)	2.343.850.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.088.871.827
Trích quỹ dự phòng tài chính	408.326.935
Trích quỹ khen thưởng	272.217.956
Trích quỹ phúc lợi	272.217.956

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, Quý I năm 2009, Công ty tiếp tục được giảm trừ 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính về việc giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Khoáng sản mangan được giảm trừ 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý 1/2009.

### 3 . TIỀN

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	201.906.871	131.218.191
Tiền gửi ngân hàng	3.902.334.608	4.249.731.830
<b>Cộng</b>	<b>4.104.241.479</b>	<b>4.380.950.021</b>

### 4 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.733.595.905	1.780.229.795
Công cụ, dụng cụ	32.417.415	33.890.219
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	7.201.001.645	6.872.391.563
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>8.967.014.965</b>	<b>8.686.511.577</b>

### 5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*n v tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	2.444.250.552	6.351.725.706	4.577.156.593	116.155.360	13.489.288.211
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.444.250.552</b>	<b>6.351.725.706</b>	<b>4.577.156.593</b>	<b>116.155.360</b>	<b>13.489.288.211</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1.614.603.374	4.131.164.714	2.232.300.883	83.814.848	8.061.883.819
Số tăng trong kỳ	117.369.957	326.818.896	237.955.269	3.628.786	685.772.908
- <i>Kh u hao trong k</i>	117.369.957	326.818.896	237.955.269	3.628.786	685.772.908
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.731.973.331</b>	<b>4.457.983.610</b>	<b>2.470.256.152</b>	<b>87.443.634</b>	<b>8.747.656.727</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	829.647.178	2.220.560.992	2.344.855.710	32.340.512	5.427.404.392
Tại ngày cuối kỳ	712.277.221	1.893.742.096	2.106.900.441	28.711.726	4.741.631.484
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng					752.893.439

### 6 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	912.395.055	20.905.055
<i>Trong ó:</i>		
- <i>Chi phí xây d ng h i tr ng, t ng rào</i>	16.923.819	16.923.819
- <i>Chi phí xây d ng nhà x ng B c S n</i>	851.774.545	
- <i>Chi phí Xây d ng TBA x ng B c S n</i>	43.696.691	3.981.236
<b>Cộng</b>	<b>912.395.055</b>	<b>20.905.055</b>

**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	970.736.941	716.388.500
Chi phí triển khai không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>970.736.941</b>	<b>716.388.500</b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	101.715.297	59.511.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.666.763	19.897.367
Thuế thu nhập cá nhân	8.464.600	2.599.445
Thuế tài nguyên	50.739.220	20.668.600
Phí môi trường	108.726.900	-
<b>Cộng</b>	<b>326.312.780</b>	<b>102.677.285</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**9 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	63.993.000	46.082.000
Bảo hiểm xã hội	16.460.124	-
Bảo hiểm y tế	8.463.000	-
Ph i t r c t c n m 2008	2.343.850.000	-
Các kho n ph i tr khác	-	1.041.100
<b>Cộng</b>	<b>88.916.124</b>	<b>46.082.000</b>

**10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 1

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2009	Tỷ lệ	01/01/2009	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.120.000.000	51.00%	6.120.000.000	51.00%
Vốn góp của các đối tượng khác	5.599.250.000	46.66%	5.599.250.000	46.66%
- Do pháp nhân n m gi	-	-	-	-
- Do th nhân n m gi	5.599.250.000	46.66%	5.599.250.000	46.66%
C phi u qu	280.750.000	2.34%	280.750.000	2.34%
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>100%</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ

28.075



<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vn góp un m	12.000.000.000	12.000.000.000
- Vn góp tng trong n m	-	-
- Vn góp gi m trong n m	-	-
- Vn góp cu i n m	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	31/03/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
- C phi u ph thông	1.200.000	1.200.000
- C phi u u ãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	28.075	28.075
- C phi u ph thông	28.075	28.075
- C phi u u ãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.171.925	1.171.925
- C phi u ph thông	1.171.925	1.171.925
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10 000 VND / cổ phiếu		
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
	31/03/2009	01/01/2009
Quỹ đầu tư phát triển	1.944.293.606	855.421.779
Quỹ dự phòng tài chính	703.810.102	295.483.167
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.648.103.708</b>	<b>1.150.904.946</b>
<b>f) Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	616.397.836	1.159.228.706
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT:		
<i>Các khoản iu chnh tng</i>	-	-
<i>Các khoản iu chnh gi m</i>		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT	616.397.836	1.159.228.706
- Cổ phiếu PT đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.171.925	1.183.215
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	525.97	979.73
<b>11 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.125.125.680	6.197.578.773
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.125.125.680</b>	<b>6.197.578.773</b>

**12 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.548.161.016	2.644.922.438
<b>Cộng</b>	<b>2.548.161.016</b>	<b>2.644.922.438</b>

**13 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.590.303	58.338.827
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.590.303</b>	<b>58.338.827</b>

**14 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	675.504.478	1.347.940.356
Lãi (Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	675.504.478	1.347.940.356
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	84.438.060	188.711.650
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	84.438.060	188.711.650
Chi phí thuế TNDN được giảm trừ theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính	25.331.418	-
<b>Cộng</b>	<b>59.106.642</b>	<b>188.711.650</b>

**15 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	577.460.159	607.430.073
Chi phí nhân công	1.108.562.575	1.244.789.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	685.772.908	670.936.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	668.089.576	926.597.781
Chi phí khác bằng tiền	796.390.914	1.090.699.245
<b>Cộng</b>	<b>3.836.276.132</b>	<b>4.540.452.728</b>

**16 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2009	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/03/2008
		VND	VND
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Công ty mẹ		
- H tr t i n l n g n m			158.440.000
- Tr t i n l a i v a y			15.207.000

- Tr n vay ng n h n, dài h n		2.027.683.539
- Chi tr c t c	1.224.000.000	825.000.000
- Chi phí ph i tr khác	139.040.000	

Số dư với các bên liên quan cho tới ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	31/03/2009	31/12/2008
		VND	VND
Phải trả			
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Công ty mẹ		
- Ph i tr c t c		1.224.000.000	825.000.000

**17 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 04 n m 2009

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Nguyễn Đình Lân